

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 23 - 8 - 2024.

V/v “*Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng

2. Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 13/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11/6/2024 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 17/2024/HNGĐ - ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐ-PT ngày 22/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐ-PT ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Minh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Buôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Đức S, sinh năm 1978; địa chỉ: A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22/08/2024), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Triệu Thị H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Buôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trịnh Thiên Đ, sinh ngày 16/8/2004 và chị Trịnh Nhược H2, sinh ngày 08/3/2006; cùng địa chỉ: Buôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

3.2. Ông Trịnh Sôi V (Trịnh Xuân V1), sinh năm 1949 và bà Ban Thị H3, sinh năm 1943; cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Sôi V: Ông Bùi Đức S, sinh năm 1978; địa chỉ: A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/08/2024), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Bùi Đức S: Bà Huỳnh Lê Thị Diệu T, sinh năm 1996; địa chỉ: A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo Hợp đồng ủy quyền lại ngày 22/08/2024), vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Triệu Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Trịnh Minh H trình bày:*

Ông và bà Triệu Thị H1 kết hôn với nhau ngày 11/12/2002 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn năm 2003 vợ chồng mới chuyển về sinh sống và lập nghiệp tại buôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng nên ông đã làm đơn yêu cầu ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar công nhận thuận tình ly hôn theo quyết định số 88, ngày 26/4/2022. Trong quyết định ly hôn về vấn đề tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận phân chia với nhau nhưng sau khi ly hôn vợ chồng thay đổi và không phân chia được với nhau mặc dù đã tự thoả thuận nhiều lần nhưng không có kết quả, lần cuối cùng vợ chồng có văn bản thoả thuận là vào tháng 7/2023. Nội dung thoả thuận là giao cho bà Triệu Thị H1 diện tích đất khoảng 01 ha đất dọc mặt đường chính, giao cho con trai đầu là Trịnh Thiên Đ diện tích đất khoảng 7 sào, đất có nhà xây dọc mặt đường chính và diện tích đất còn lại là ông sử dụng. Ngoài ra, hai bên còn thoả thuận giao cho con trai Trịnh Thiên Đ quản lý, sử dụng phần đất và nhà nhưng không được chuyển nhượng vì nhà là để thờ phụng tổ tiên, ông với bà H1 không ai được ở nhà đó và ông còn có trách nhiệm với con gái là Trịnh Nhược H2. Sau khi thoả thuận, bà H1 vẫn ở nhà đó và con trai ông có thái độ xúc phạm, coi thường, gây sự với ông, nên ông thay đổi không đồng ý chia theo thoả thuận trên, vì tài sản trên là do ông có trước hôn nhân, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nguồn gốc của tài sản: Năm 1999 ông cùng gia đình vào Đắk Lắk làm kinh tế mới, khi đó gia đình ông đã mua lô đất rẫy của người Ê đê (người ở xã C, huyện K, Đắk Lắk) với diện tích hơn 01 ha (không đo cụ thể, vì ngày xưa chỉ có bán rẫy theo vùng), sau đó gia đình ông còn khai hoang thêm diện

tích đất xung quanh, đến năm 2002 ông với bà H1 kết hôn ở ngoài quê, năm 2003 ông đưa vợ con vào sinh sống, lúc này vợ chỉ sống và nuôi con nhỏ, còn ông là người canh tác, khai hoang và trồng cà phê, tiêu, điều.

Sau này gia đình bố mẹ ông chuyển đi nơi khác sinh sống, toàn bộ diện tích đất trên đã tặng cho ông, toàn bộ diện tích đất hiện nay chưa có trích lục bản đồ địa chính, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất ước tính khoảng 5,5 ha, có khoảng 900 cây cà phê, 300 trụ tiêu, 50 cây sàu riêng, 300 cây Điều thường. Nay ông yêu cầu Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Triệu Thị H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân bà đồng ý với lời trình bày của ông Trịnh Minh H, về tài sản chung thì sau khi kết hôn bà và ông H đã sống chung với nhau gần 20 năm, bà cũng có công đóng góp trong việc khai hoang, duy trì, phát triển khối tài sản trên, nay là tài sản chung của vợ chồng. Về việc chia, nếu vợ chồng thoả thuận thì bà đồng ý như văn bản thoả thuận chia tài sản của các thành viên gia đình ngày 04/7/2023, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Cụ thể: Chia cho bà gần 01 ha dọc mặt đường chính, vì đất này không có tài sản trên đất và chia cho con trai trưởng là Trịnh Thiên Đ khoảng 7 sào diện tích đất mặt đường (có nhà) để ở và duy trì nhà để thờ tổ tiên; chia cho ông H phần diện tích đất còn lại, đồng thời ông H có trách nhiệm với con gái út là Trịnh Nhược H2. Việc ông H và con trai thường cãi nhau là do tính ông H, còn nếu việc tự thoả thuận của vợ chồng không thành thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Thiên Đ và chị Trịnh Nhược H2 đều trình bày:* Anh chị là con của ông Trịnh Minh H, bà Triệu Thị H1. Về vấn đề tài sản chung của bố mẹ thì anh chị có tham gia đóng góp trong việc duy trì, phát triển, tuy nhiên công đóng góp không đáng kể. Nay bố mẹ anh chị tranh chấp chia tài sản chung thì anh chị không có yêu cầu gì. Việc bố mẹ anh chị có chia phần cho anh chị hay không thì tùy vào tâm của bố mẹ.

** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Sồi V và bà Ban Thị H3 đều trình bày:* Ông bà là bố đẻ của ông Trịnh Minh H, là bố mẹ chồng của bà Triệu Thị H1. Vào khoảng năm 1999 ông bà cùng gia đình (trong đó có anh H) từ Bắc vào buôn X, xã E để lập nghiệp, lúc bấy giờ gia đình ông bà có mua một mảnh rẫy của người Ê đê (người ở xã C, huyện K) mấy chỉ vàng (không nhớ cụ thể) với diện tích khoảng hơn 01 ha (không đo đạc, chỉ mua theo vùng) và sau đó có khai hoang thêm với tổng diện tích đất khoảng hơn 05 ha. Đất chưa có giấy chứng nhận QSD đất. Năm 2002 ông H lấy vợ, lúc đó ông bà già yếu và có nguyện vọng trở về quê hương sinh sống nên đã giao lại toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng ông H canh tác, quản lý, sử dụng.

Trước khi ông bà giao lại tài sản cho ông H quản lý thì chỉ có vợ chồng ông

bà và ông Trịnh A S1, bà Trịnh Thị V2 cùng chung sống với nhau, còn ông Trịnh Minh P và bà Trịnh Minh T1 đã lập gia đình, có cuộc sống riêng. Sau khi giao lại đất cho ông H, ông Trịnh A S1 và bà Trịnh Thị V2 theo gia đình ông bà về quê sinh sống. Việc giao lại toàn bộ diện tích đất trên cho ông H là theo sự sắp xếp, thống nhất và tự nguyện của gia đình, không ai có ý kiến hay tranh chấp gì đối với diện tích đất trên. Sau khi ông bà về quê, gia đình có lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H, với mục đích là để ông H được quyền quản lý, sử dụng. Nay ông H và bà H1 đã ly hôn và yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, thì ông bà có ý kiến như sau: Ông bà khẳng định diện tích đất trên có trước thời kỳ hôn nhân của ông H và bà H1. Ông bà đề nghị Tòa án xem xét về nguồn gốc, công tạo lập, duy trì và phát triển đối với khối tài sản trên, rồi chia theo quy định của pháp luật. Vì lý do điều kiện ở xa, do tuổi cao bệnh tật và ông bà đã có ý kiến, quan điểm của mình liên quan đến vụ án. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án vắng mặt ông bà.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2024/HNGĐ - ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, điểm c khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Minh H.

[1] Về tài sản chung:

[1.1] Tạm giao cho ông Trịnh Minh H quản lý, sử dụng các tài sản sau:

1/ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với trên đất thuộc thửa đất số 31, tờ bản đồ số 32, diện tích 9.165,7m², có tứ cận: Phía Đông – Bắc giáp thửa 25 là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 162,69 mét, phía Nam giáp thửa 43 có cạnh dài 109,83 mét, phía Tây giáp đường nội thôn có cạnh dài 190,23 mét.

2/ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 32, diện tích 16.433,8m² có tứ cận: Phía Đông – Bắc giáp đường nội thôn là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 212,95 mét, phía Tây - Nam giáp

đường nội thôn là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 206,3 mét, Phía Tây – Bắc giáp thửa 24 có cạnh dài 150,73 mét.

3/ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 32, diện tích 7.647,9m², có tứ cận: Phía Đông – Bắc giáp đường nội thôn là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 163,97 mét, phía Nam giáp đường nội thôn là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 82,99 mét, phía Tây giáp thửa số 52 có cạnh dài 160,32 mét.

4/ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc một phần thửa đất số 43, tờ bản đồ số 32, diện tích 5.367,9m², có tứ cận: Phía Đông - Bắc giáp thửa 33 là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 85,7 mét, phía Nam giáp đất tạm chia cho bà H1 có cạnh dài 128,17 mét, Phía Tây đường nội thôn là những gấp khúc có cạnh dài 55,93 mét, phía Bắc giáp thửa 31 là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 111,09 mét. Tổng diện tích đất ông H được nhận 38.615,3 m². Tất cả các thửa đất đều tọa lạc tại buôn X, xã E, huyện C' gar.

Tổng giá trị đất, cây trồng trên đất và tài sản khác ông H được chia là: 696.410.000 đồng.

Ông Trịnh Minh H có trách nhiệm thanh toán lại cho bà H1 ½ giá trị nhà và các công trình khác trên thửa đất số 58 với số tiền 39.950.000 đồng.

[1.2] Tạm giao cho bà Triệu Thị H1 quản lý, sử dụng Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc một phần thửa đất số 43, tờ bản đồ 32 có diện tích 16.550m² có tứ cận: Phía Đông - Bắc giáp thửa 33 là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 123,76 mét; phía Nam giáp đường nội thôn có cạnh dài 190,64 mét; Phía Tây đường nội thôn là những đoạn gấp khúc có cạnh dài 89,12 mét; phía Bắc giáp đất tạm giao cho ông H có cạnh dài 128,17 mét. Đất tọa lạc tại buôn X, xã E, huyện C.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất được chia là: 281.350.000 đồng và 39.950.000 đồng ½ giá trị nhà và công trình khác sau khi nhận được từ ông H.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng:

[2.1] Về án phí: Ông Trịnh Minh H phải chịu 31.856.000 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 6.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0014490 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, ông H còn phải nộp số tiền 25.606.000 đồng

Bà Triệu Thị H1 phải chịu 16.065.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.2] Về các chi phí tố tụng khác: Bà Triệu Thị H1 có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Trịnh Minh H 11.099.000 đồng chi phí do đạc, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Triệu Thị H1 vắng mặt nên ngày 02/5/2024, bị đơn bà Triệu Thị H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phân chia lại tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trịnh Minh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Triệu Thị H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc thẩm định giá, tuyên án không rõ gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Triệu Thị H1 - Hủy toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Triệu Thị H1, xét thấy:

[1] Nguồn gốc các thửa đất số 31, 37, 43 và 58, thuộc tờ bản đồ số 32, tổng diện tích 55.165,3m² tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ông H xác định bố mẹ ông là ông Trịnh Sồi V và bà Bàn Thị H4 mua của người Ê Đê với diện tích khoảng hơn 01ha còn lại là khai hoang, sau đó để lại toàn bộ diện tích đất trên cho ông H; ông với bà Triệu Thị H1 đã tạo dựng các tài sản trên đất (hiện đất chưa có trích lục bản đồ giải thửa, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Triệu Thị H1 cho rằng về nguồn gốc diện tích đất 55.165,3m² thì trước khi kết hôn gia đình ông Trịnh Minh H có mua diện tích khoảng 01ha nhưng sau khi kết hôn bà và ông H có khai hoang lấn chiếm thêm của Công ty L. Đồng thời, theo lời trình bày của ông

Đặng Văn H5 (là già làng buôn xê đăng) tại biên bản xác minh ngày 13/12/2023 thì ông xác định nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng từ người Ê Đê, vợ chồng H, H1 còn khai hoang thêm một số diện tích vùng ven. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 13/12/2023 tại Ủy ban nhân dân xã E thì cán bộ địa chính xác định toàn bộ diện tích đất của ông H bà H1 đang canh tác, sử dụng là đất của Công ty L quản lý. Như vậy, xét về nguồn gốc đất mà các bên yêu cầu phân chia cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh, đối chất làm rõ nên xác định tài sản trên là tài sản có trước thời kỳ hôn nhân của ông H và bà H1, bố mẹ ông H tặng riêng cho ông H nên tính công sức đóng góp tạo lập tài sản của ông H nhiều hơn bà H1 là chưa đủ căn cứ.

Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 14/12/2023 ông Lê Minh H6 là chuyên viên phòng dân tộc xác định tình hình quản lý, quy hoạch đất tại Buôn X, xã E, huyện C; trong đó: Về đất ở: Ngày 31/7/2017 Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 744/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết điểm dân cư buôn xê đăng với diện tích lập quy hoạch 30ha ... Về đất sản xuất: Ngày 11/4/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Công văn số 2489/UBND-NT&MT về việc chủ trương thu hồi đất của Công ty L với diện tích 357,788 ha để giao về cho địa phương quản lý, ngày 15/10/2019 Sở T3 ban hành Công văn số 2514/STNMT-CCQLĐĐ về việc đề nghị Công ty TNHH MTV L bổ sung hồ sơ đề nghị thu hồi diện tích đất trên ... Tuy nhiên, theo như biên bản xác minh nêu trên thì cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ các thửa đất số 31, 37, 43 và 58 tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk mà các bên yêu cầu phân chia là thuộc về đất ở hay đất sản xuất và có liên quan đến diện tích đất thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH MTV L hay không, trường hợp nếu có thì phải đưa Công ty TNHH MTV L vào tham gia tố tụng để làm rõ trách nhiệm và quyền lợi, nghĩa vụ của Công ty. Cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh tại Sở tài nguyên và môi trường nội dung liên quan đến việc thu hồi đất của Công ty L.

[2] Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông H cung cấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà gia đình khai hoang, sử dụng với diện tích 56.000m²; trong đó các thành viên trong gia đình của ông là ông Trịnh Sồi V (sinh năm 1949), Bàn Thị H4 (sinh năm 1943), Trịnh Minh P (sinh năm 1974), Trịnh Minh T1 (sinh năm 1976), Trịnh A S1 (sinh năm 1982), Trịnh Thị V2 (sinh năm 1985) đều thực hiện việc giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa ông Trịnh Sồi V và bà Bàn Thị H4 vào tham gia tố tụng tại phiên tòa mà không đưa những người còn lại vào tham gia tố tụng, không lấy lời khai của họ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi nghĩa vụ của họ.

[3] Đối với cây trồng trên đất thì tại biên bản thẩm định tại chỗ xác định cây trồng trên đất tại thửa 31 có 130 trụ tiêu tuy nhiên xác định loại cây thì chỉ có 120

trụ (60 trụ loại A, 50 trụ loại B, 10 trụ loại C) dẫn đến việc định giá tài sản thiếu số lượng trụ tiêu trên thực tế.

Về cây sầu riêng trồng tại thửa đất số 58 thì tại biên bản thẩm định xác định số lượng cây sầu riêng là 30 cây, tuy nhiên tại biên bản định giá tài sản thì lại xác định có số lượng là 40 cây.

Về cây điều trồng tại thửa đất số 43 thì biên bản thẩm định xác định trên thửa đất có 150 cây điều trồng năm 2006 (50 cây loại A, 100 cây loại B), thửa đất số 31 có 100 cây điều (30 cây loại A, 70 cây loại B), thửa đất 58 có 50 cây (10 cây loại A, 30 cây loại B, 10 cây loại C); tuy nhiên tại biên bản định giá lại xác định thửa đất số 43 có 150 cây điều với giá loại B, thửa 31 và thửa 58 chỉ xác định một giá chung mà không định giá của từng loại.

Như vậy, nội dung biên bản thẩm định tại chỗ và nội dung biên bản định giá tài sản có mâu thuẫn và việc định giá chưa đầy đủ, là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

[4] Tại biên bản thẩm định tại chỗ thể hiện các cây trồng trên các thửa đất số 31, 37, 43 và 58, thuộc tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk không cùng loại cây trồng và không đồng nhất, các loại cây trồng có năm trồng khác nhau; ngoài ra, tại thửa đất 58 còn có 01 căn nhà xây cấp 04 với diện tích 93m². Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đều xác định giá trị đất và cây trồng trên đất theo giá đất có cây trồng (170.000.000 đồng/ha) đối với các thửa đất để chia tỷ lệ công sức đóng góp là không đúng.

Mặt khác, cấp sơ thẩm quyết định tạm giao cho bà Triệu Thị H1 quản lý, sử dụng Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc một phần thửa đất số 43, tờ bản đồ 32 có diện tích 16.550m²; tuy nhiên cấp sơ thẩm không nêu rõ các tài sản gắn liền trên đất là những tài sản gì, như vậy sẽ không đảm bảo được việc thi hành án và vụ án không được giải quyết triệt để.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vụ án chưa toàn diện mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2024/HNGĐ - ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Do hủy bản án sơ thẩm nên sẽ được giải quyết khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bà Triệu Thị H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng: Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Triệu Thị H1.

Tuyên xử: Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2024/HNGĐ - ST ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Triệu Thị H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007569 ngày 04/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn